TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 288/2025/LĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu – Nguyên Trưởng phòng Lao động và Thương binh xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Phan Hồng Việt – Công chức Tư pháp phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 92/2025/TLST- LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2025/QĐXXST-LĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ S, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở: 3 khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ: 2 khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở: 3 khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ S trình bày*:

Vào năm 2013, bà Lê Thị Mỹ S có cho bà Lê Thị Tuyết H mượn giấy chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà S từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 nhưng trên thực tế bà Lê Thị Tuyết H là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH C.

Do bà S có nhu cầu thực hiện các thủ tục rút bảo hiểm xã hội nên có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà S được Bảo hiểm xã hội thành phố T thông báo thời điểm từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 bà Lê Thị Mỹ S có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH C nên Công ty TNHH C có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà S vào thời gian nêu trên.

Tuy nhiên, trên thực tế thời điểm nêu trên bà S không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH C. Do đó, đến nay bà S không thể thực hiện các thủ tục bảo hiểm xã hội theo đúng quy định.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Tuyết H và Công ty TNHH C là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Mỹ S được pháp luật bảo vệ. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Lê Thị Mỹ S (do bà Lê Thị Tuyết H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH C trong khoản thời gian làm từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 là vô hiệu toàn bộ. Bà S không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn Công ty TNHH C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập Công ty TNHH C đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Công ty TNHH C đều vắng mặt không rõ lý do.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết H trình bày:

Vào năm 2013, bà H có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Mỹ S để ký hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH C. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH C thì Công ty có tham gia đóng bảo hiểm cho bà H từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 với tên Lê Thị Mỹ S. Thực tế bản thân bà H có đi làm việc tại Công ty TNHH C và tham gia đóng bảo hiểm xã hội đúng theo quy định. Trước yêu cầu khởi kiện của bà S thì bà H đồng ý và không có yêu cầu gì. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Bà Lê Thị Mỹ S, sinh năm 1982; căn cước công dân số 089182016305 đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội 7411046614 va đã được bảo hiểm xã hội thành phố T xác nhận chốt sổ quá trình 04/12011-01/2024 ngày 01/02/2024, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội 01 lần.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ S, Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ S đối với bị đơn Công ty TNHH C về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Mỹ S khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Lê Thị Mỹ S (do bà Lê Thị Tuyết H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH C trong khoản thời gian làm từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 là vô hiệu toàn bộ và bị đơn Công ty TNHH C có địa chỉ trụ sở tại số B khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng lao động" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Công ty TNHH C được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của bị đơn Công ty TNHH C trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.3]. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ S không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; đồng thời các đương sự trong vụ án cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Trong quá trình tố tụng, bà Lê Thị Mỹ S và bà Lê Thị Tuyết H thống nhất nội dung: Bà S cho bà H mượn giấy tờ tùy thân của bà S để xác lập hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH C và tham gia bảo hiểm xã hội với

tên Lê Thị Mỹ S từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 tại Công ty TNHH C.

[2.2]. Theo Điều 17 và Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 (khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019) quy định khi giao kết hợp đồng lao động phải trên nguyên tắc: *Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực* và người lao động có nghĩa vụ: *Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.*

Mặt khác, theo Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.*

[2.3]. Thực tế người lao động ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH C và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 là bà Lê Thị Tuyết H, không phải bà Lê Thị Mỹ S. Việc bà H mượn giấy tờ tùy thân của bà S để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C là vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ S là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ S đối với bị đơn Công ty TNHH C về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

[2.5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.6]. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ S tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ S về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH C

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Lê Thị Mỹ S và Công ty TNHH C trong thời gian từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 8 năm 2016 bị vô hiệu toàn bộ.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Lê Thị Mỹ S theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ S tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000836 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

Huỳnh Ngọc Kiệt